

Sự lãnh đạo của Đảng - nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám

TS. VŨ THỊ DUYỀN

Học viện Báo chí và Tuyên truyền; Email: duyenvulsd@gmail.com

Nhận ngày 1 tháng 8 năm 2024; chấp nhận đăng tháng 10 năm 2024.

Tóm tắt: Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời năm 1930, với đường lối đúng đắn độc lập tự chủ, nắm vững, vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện thực tế Việt Nam. Căn cứ và tình hình thực tế thế giới và trong nước Đảng đã đề ra chủ trương phù hợp với từng giai đoạn lịch sử, lãnh đạo nhân dân ta đứng lên đập tan xiềng xích nô lệ bởi ách thống trị, áp bức của thực dân, phong kiến xây dựng chế độ mới - chế độ dân chủ nhân dân. Thắng lợi của sự nghiệp đấu tranh giành chính quyền và Cách mạng tháng Tám năm 1945 có nhiều nguyên nhân, trong đó nguyên nhân có ý nghĩa quyết định thắng lợi là sự lãnh đạo sáng suốt, tài tình của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Từ khóa: Đảng lãnh đạo; nhân tố hàng đầu; thắng lợi; cách mạng Việt Nam.

Abstract: The Communist Party of Vietnam was founded in 1930 with a correct, independent, and autonomous policy, creatively applying and developing Marxism-Leninism to the realities of Vietnam. Based on the international and domestic situation, the Party proposed appropriate policies for each historical period, leading our people to rise up and break the chains of slavery under colonial and feudal rule, establishing a new regime - a people's democratic regime. The victory of the struggle for power and the August Revolution of 1945 resulted from various factors, but the decisive one was the wise and brilliant leadership of the Party and President Hồ Chí Minh.

Keywords: Party leadership; primary factor; success; Vietnamese revolution.

Cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX dân tộc Việt Nam đứng trước cuộc khủng hoảng về đường lối cứu nước, về giai cấp lãnh đạo, các phong trào đấu tranh giành độc lập đều thất bại. Thực tế cho thấy trước năm 1930, mặc dù các đảng phái đã đưa ra các ngọn cờ cứu nước khác nhau nhưng cuối cùng đều thất bại. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời vào 3/2/1930 đã đáp ứng yêu cầu đòi hỏi của thực tiễn cách mạng Việt Nam và phù hợp với quy luật phát triển của thời đại. Thực tế quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam từ năm 1930 đến năm 1945 đã chứng tỏ Đảng đã có đường lối đúng đắn đảm đương sứ mệnh lãnh đạo nhân dân Việt Nam giành chính quyền vào năm 1945.

Gần 95 năm qua, Đảng đã lãnh đạo cách mạng Việt Nam và giành được nhiều thành tựu to lớn có ý nghĩa lịch sử. Cách mạng Tháng Tám năm 1945 là thành tựu có ý nghĩa bước ngoặt vĩ đại đã đập tan ách

thống trị của đế quốc và phong kiến, đưa dân tộc ta từ thân phận nô lệ trở thành người làm chủ đất nước, làm chủ vận mệnh của mình. Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám là kết quả tổng hợp của nhiều nhân tố, trong đó nhân tố quan trọng quyết định thắng lợi là vai trò lãnh đạo của Đảng đã đề ra đường lối đúng đắn, sáng tạo lãnh đạo, phát huy sức mạnh lực lượng toàn dân trong quá trình đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945).

1. Đường lối chiến lược đúng đắn kết hợp hai nhiệm vụ chống đế quốc, chống phong kiến giành độc lập dân tộc và ruộng đất cho dân cày

Từ năm 1858, khi thực dân Pháp xâm lược và đặt ách thống trị trên lãnh thổ Việt Nam, nhân dân Việt Nam phát huy truyền thống yêu nước chống ngoại xâm của dân tộc đã đứng lên chống thực dân Pháp quyết liệt, liên tục và rộng khắp. Các phong trào theo khuynh

hướng phong kiến hay dân chủ tư sản đều hướng tới mục tiêu đánh đổ chế độ thuộc địa, giành độc lập cho dân tộc. Tuy nhiên, các phong trào cứu nước từ lập trường Cần Vương đến lập trường tư sản, tiểu tư sản qua khảo nghiệm lịch sử đều lần lượt thất bại^[1].

Nguyên nhân thất bại của các phong trào là do thiếu đường lối chính trị đúng đắn để giải quyết triệt để hai mâu thuẫn cơ bản, chủ yếu của xã hội Việt Nam, đó là mâu thuẫn dân tộc và mâu thuẫn giai cấp, chưa có một tổ chức vững mạnh để tập hợp, lãnh đạo toàn dân tộc, chưa có phương pháp đấu tranh thích hợp để đánh đổ kẻ thù... Nhiệm vụ lịch sử cấp thiết đặt ra cần phải có một tổ chức cách mạng tiên phong, có đường lối cứu nước đúng đắn để giải phóng dân tộc.

Đầu năm 1930, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, trong Cương lĩnh đầu tiên của Đảng đã thể hiện sâu sắc mối quan hệ dân tộc và giai cấp, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam là làm "Tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản"^[2]. Cách mạng phải trải qua hai giai đoạn: cách mạng tư sản dân quyền và thổ địa cách mạng hoàn thành, sẽ tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội. Hai cuộc cách mạng ấy là hai giai đoạn chiến lược, mỗi cuộc cách mạng có những nhiệm vụ riêng nhưng có mối quan hệ khăng khít với nhau. Thực chất đó là cuộc cách mạng đánh đổ đế quốc giành độc lập cho dân tộc, đánh đổ phong kiến để giành ruộng đất cho dân cày.

Xuất phát từ thực tiễn Việt Nam, Cương lĩnh đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu, nhiệm vụ chủ yếu là: "Đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp và bọn phong kiến... làm cho nước Nam được hoàn toàn độc lập. Dựng ra chính phủ công nông binh. Tổ chức ra quân đội công nông"^[3]. Như vậy, về chính trị nhiệm vụ đặt lên hàng đầu là chống đế quốc nhưng đã bao hàm cả nhiệm vụ chống phong kiến. Ở Việt Nam thực dân Pháp và phong kiến phản động câu kết với nhau áp bức, bóc lột nhân dân cho nên phong kiến là chỗ dựa vững chắc cho đế quốc, đế quốc bảo trợ cho chế độ phong kiến tiếp tục tồn tại. Vì vậy, có đánh đổ đế quốc thì mới đánh đổ được chế độ phong kiến, và có đánh đổ được chế độ phong kiến mới tạo cơ sở để đánh đổ đế quốc. Hai nhiệm vụ này có quan hệ chặt chẽ với nhau.

Là nước thuộc địa nửa phong kiến, ruộng đất không chỉ nằm trong tay giai cấp phong kiến, mà

phần lớn nằm trong tay thực dân Pháp. Đánh đổ được đế quốc là có điều kiện để giải quyết một phần ruộng đất cho nông dân. Cho nên nhiệm vụ giải phóng dân tộc được đặt lên hàng đầu nhưng không gác lại hoàn toàn vấn đề ruộng đất. Vấn đề ruộng đất vẫn được thực hiện, nhưng được thực hiện rải ra từng bước, phục vụ cho nhiệm vụ dân tộc "thâu hết ruộng đất của đế quốc chủ nghĩa làm của công chia cho dân cày nghèo" thể hiện ở chỗ: vẫn "chia ruộng đất" nhưng cho hạng "dân cày nghèo" đế quốc, phong kiến tay sai là hai yếu tố cản trở lớn nhất trên con đường giải phóng dân tộc tiến tới xã hội chủ nghĩa. Vì vậy, Đảng luôn xác định hai nhiệm vụ chống đế quốc và chống phong kiến không được coi nhẹ nhiệm vụ nào, đó là nguyên tắc chiến lược xuyên suốt cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.

Trong những năm 1936 - 1939, Đảng đã có sự chuyển biến trong nhận thức về mối quan hệ giữa mục tiêu lâu dài và mục tiêu trước mắt, giữa vấn đề giải phóng dân tộc và vấn đề điền địa, cách mạng Đông Dương với chiến lược: "làm cách mạng tư sản dân quyền - phản đế và điền địa - lập chính quyền công nông bằng hình thức Xô Viết để dự bị điều kiện đi tới cách mạng xã hội chủ nghĩa, đó là mục đích cuối cùng của cuộc cách mạng trong giai đoạn này"^[4]. Như vậy, mục tiêu lâu dài vẫn không thay đổi, nhưng tùy vào tình hình thực tiễn phải có chỉ đạo chiến lược cho phù hợp. Đảng xác định: "Cuộc dân tộc giải phóng không nhất thiết phải kết chặt với cuộc cách mạng điền địa. Nghĩa là không thể nói rằng: muốn đánh đổ đế quốc cần phải phát triển cách mạng điền địa, muốn giải quyết vấn đề điền địa phải đánh đổ đế quốc" Nói tóm lại, nếu phát triển cuộc tranh đấu chia đất mà ngăn trở cuộc đấu tranh phản đế thì phải lựa chọn vấn đề nào quan trọng hơn mà giải quyết"^[5].

Từ quan điểm giải quyết cùng một lúc hai nhiệm vụ chống đế quốc và phong kiến, Đảng đưa ra quan điểm lựa chọn vấn đề nào cần kíp, bức thiết nhất cần giải quyết hơn để tập trung giải quyết: "Xét tình hình quần chúng vận động hiện thời cả về chính trị và về tổ chức chưa tới trình độ trực tiếp đánh đổ đế quốc Pháp, lập chính quyền công nông giải quyết vấn đề điền địa"^[6]. Như vậy, với khả năng hiện có của lực lượng cách mạng chưa đủ điều kiện để thực hiện nhiệm vụ giành độc lập dân tộc nên nhiệm vụ trước mắt là chống bọn phản động thuộc địa đòi các quyền

tự do, dân chủ. Việc tạm gác khẩu hiệu “độc lập dân tộc” và “người cày có ruộng” không phải là từ bỏ nhiệm vụ chống đế quốc, chống phong kiến, mà mục đích của cách mạng Đông Dương vẫn là độc lập dân tộc, dân chủ, tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Năm 1939, Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ đã ảnh hưởng sâu sắc đến tình hình mọi mặt ở Đông Dương, thực dân Pháp thực hiện chính sách thời chiến rất hà khắc, đàn áp và vơ vét sức người, sức của phục vụ chiến tranh đã đẩy mâu thuẫn giữa dân tộc ta với đế quốc xâm lược lên cao, đất nước đang đứng trước tình thế cách mạng mới. Trước tình hình ấy, Đảng đã nhạy bén đề ra chủ trương chuyển hướng chỉ đạo chiến lược. Ngày 29/9/1939 Trung ương Đảng gửi thông báo cho các cấp bộ đảng chỉ rõ: “Hiện nay tình hình đã thay đổi nhiều. Hoàn cảnh Đông Dương sẽ tiến bước đến vấn đề dân tộc giải phóng”^[7].

Tháng 11 năm 1939, Hội nghị Trung ương Đảng chỉ rõ chiến tranh thế giới đã thúc đẩy các mâu thuẫn vốn có của xã hội Đông Dương lên đến đỉnh tột cùng, đòi hỏi phải giải quyết mâu thuẫn gay gắt nhất lúc này là mâu thuẫn giữa đế quốc và các dân tộc Đông Dương; Hội nghị xác định nhiệm vụ giải phóng dân tộc được đặt lên hàng đầu: “Bước sinh tồn của các dân tộc Đông Dương không còn con đường nào khác hơn là con đường đánh đổ đế quốc Pháp, chống tất cả ách ngoại xâm, vô luận da trắng hay da vàng để giành lấy giải phóng dân tộc”^[8]; tạm gác khẩu hiệu “cách mạng ruộng đất” chỉ chủ trương tịch thu ruộng đất của đế quốc và địa chủ phản động, chống tô cao, chống lãi nặng; thay khẩu hiệu lập chính quyền Xô Viết công nông binh bằng khẩu hiệu lập chính phủ Cộng hòa dân chủ.

Tháng 9/1940, Nhật vào Đông Dương, Pháp ký hiệp định đầu hàng Nhật, kể từ đó nhân dân ta bị thực dân Pháp và phát xít Nhật áp bức bóc lột. Trước tình hình đó tháng 11/1940, Hội nghị Trung ương Đảng đã dự đoán: “Một cao trào cách mạng nhất định sẽ nổi dậy. Đảng phải chuẩn bị gánh lấy cái sứ mệnh thiêng liêng: Lãnh đạo các dân tộc áp bức Đông Dương vũ trang bạo động giành lấy quyền tự do độc lập”^[9] Hội nghị Trung ương tám họp tại Pắc Bó (Cao Bằng) tháng 5 năm 1941 xác định: “Nhiệm vụ giải phóng dân tộc, độc lập cho đất nước là một nhiệm vụ trước tiên của Đảng ta”^[10] và “Trong giai đoạn hiện tại (...) nếu không đánh đuổi được Pháp - Nhật thì vận

mạng của dân tộc phải chịu kiếp trâu ngựa muôn đời mà vấn đề ruộng đất cũng không làm sao giải quyết được”^[11]. Nhiệm vụ giải phóng dân tộc được đưa lên hàng đầu, cách mạng Đông Dương lúc này không phải là: “cuộc cách mạng phải giải quyết hai vấn đề: phân địa và điền địa nữa, mà là cuộc cách mạng chỉ giải quyết một vấn đề cần kíp “dân tộc giải phóng”^[12]. Để tập trung lực lượng đánh đế quốc thực hiện nhiệm vụ quan trọng được đặt lên hàng đầu là giải phóng dân tộc, Đảng chủ trương: “Ngay bây giờ nếu ta nêu khẩu hiệu đánh đổ địa chủ, chia ruộng đất cho dân cày, như thế chẳng những ta bỏ mất một lực lượng đồng minh, một lực lượng hậu thuẫn trong cuộc cách mạng đánh đuổi Pháp - Nhật mà còn đẩy lực lượng ấy về phe địch làm thành hậu bị quân cho phe địch nữa”^[13]. Như vậy, hai nhiệm vụ chiến lược chống đế quốc và chống phong kiến không tách rời nhau, nhưng về chỉ đạo thực hiện phải căn cứ vào điều kiện cụ thể đặt nhiệm vụ chống đế quốc lên hàng đầu, chống phong kiến thực hiện ở mức độ thích hợp để phục vụ nhiệm vụ chống đế quốc.

Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 là kết quả của tư duy đúng đắn của Đảng giải quyết nhuần nhuyễn mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ chống đế quốc và chống phong kiến.

2. Phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc

Đoàn kết là một nhân tố tạo nên sức mạnh vô địch trong sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta. Năm vững nhân tố quyết định thắng lợi trong khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền là sức mạnh của quần chúng nhân dân được tổ chức, dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân, đồng thời với đặc điểm xã hội Việt Nam là xã hội thuộc địa nửa phong kiến, trong đó giai cấp nông dân là lực lượng đông đảo nhất, cùng với giai cấp công nhân là chủ lực quân của cách mạng. Vì vậy, ngay từ khi ra đời lãnh đạo sự nghiệp đấu tranh giành chính quyền, trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng đã chỉ rõ lực lượng cách mạng là công - nông là gốc cách mạng, các giai cấp và tầng lớp khác đều là bầu bạn của cách mạng, giai cấp vô sản phải tranh thủ được nhiều bạn đồng minh, phải tập hợp các lực lượng cách mạng thật rộng rãi trong toàn dân tộc. Khắc phục những hạn chế của Luận cương tháng 10/1930 mới chỉ xác định xây dựng khối đoàn kết công - nông - binh, chưa thể hiện đầy đủ tinh

thần đoàn kết toàn dân. Ban Thường vụ Trung ương ra chỉ thị thành lập "Hội phản đế đồng minh" vào ngày 18/11/1930. Đây là hình thức đầu tiên của Mặt trận dân tộc thống nhất, Đảng nhấn mạnh: "Giai cấp vô sản lãnh đạo cuộc cách mạng tư sản dân quyền" mà không tổ chức được toàn dân lại thành một lực lượng thật rộng, thật kín thì cuộc cách mạng cũng không thành công⁽¹⁴⁾. Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân khác nhau mặc dù chủ trương thành lập Hội phản đế đồng minh là chủ trương đúng nhưng trên thực tế vẫn chưa hình thành được. Trong phong trào cách mạng 1930 - 1931, khẩu hiệu "độc lập dân tộc và người cày có ruộng" của Đảng đã trở thành niềm tin và hy vọng của nhân dân lao động có sức động viên lớn đối với quảng đại quần chúng. Thực tế phong trào đã diễn ra sôi nổi, rộng khắp trong cả nước nhưng lực lượng vẫn bó hẹp chủ yếu là công nhân và nông dân, còn các lực lượng khác vẫn chưa tham gia đầy đủ, nhưng cũng qua phong trào này đã rút ra được bài học về thực hiện sự liên minh giữa công nhân và nông dân, điều kiện cơ bản đảm bảo vai trò lãnh đạo của Đảng, là cơ sở để xây dựng Mặt trận dân tộc thống nhất sau này. Trước sự khủng bố của thực dân Pháp, phong trào cách mạng 1930 - 1931 lắng xuống, trong những năm 1932 - 1935, Đảng chủ trương khôi phục và phát triển phong trào cách mạng, cũng trong giai đoạn này Đảng rút ra bài học về sự cần thiết phải xây dựng lực lượng cách mạng rộng rãi hơn.

Bước vào những năm 1936 - 1939, Chủ nghĩa phát xít xuất hiện và thắng thế ở một số nơi như Đức, Tây Ban Nha, Italia và ở Nhật Bản, tình hình thế giới và trong nước có nhiều thay đổi, phong trào chống phát xít, chống chiến tranh trên thế giới phát triển mạnh mẽ. Quốc tế Cộng sản xác định kẻ thù nguy hiểm của nhân dân thế giới là chủ nghĩa phát xít; nhiệm vụ trước mắt là chống chủ nghĩa phát xít, chống chiến tranh, bảo vệ dân chủ và hòa bình. Trước tình hình mới, để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cách mạng, tháng 7 năm 1936 Ban lãnh đạo của Đảng đã chủ trương thành lập Mặt trận thống nhất nhân dân phản đế Đông Dương, đến năm 1938 đổi tên thành Mặt trận dân tộc thống nhất dân chủ Đông Dương (Mặt trận dân chủ Đông Dương). Với mục tiêu đoàn kết tất cả các giai cấp, tầng lớp, cùng chung mục tiêu dân chủ, đấu tranh chống bạo phản động thuộc địa và tay sai đòi dân sinh, dân chủ và hòa bình. Nhờ chủ

trương đúng đắn, lại có biện pháp tổ chức phù hợp, hình thức đấu tranh phong phú, lực lượng cách mạng được tăng cường, phong trào công nông được phát triển trên cơ sở đoàn kết toàn dân, làm cho kẻ thù bị phân hoá, cô lập và suy yếu.

Trong những năm 1939 - 1945, vấn đề giành chính quyền trở thành mục tiêu trực tiếp trước mắt. Đảng đã nhanh chóng chuyển hướng chỉ đạo chiến lược đặt nhiệm vụ đánh đế quốc, tay sai, giải phóng dân tộc lên hàng đầu, chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền là nhiệm vụ trung tâm. Để tập hợp lực lượng của toàn dân vào nhiệm vụ giải phóng dân tộc. Hội nghị Trung ương (11/1939) quyết định thành lập Mặt trận dân tộc thống nhất phản đế Đông Dương. Mặt trận hình thành, phát triển ở từng làng lên tới tỉnh, đang chuẩn bị thống nhất trong toàn xứ. Đến năm 1941 trước sự thay đổi của tình hình thế giới và trong nước, để mở rộng hơn nữa khối đại đoàn kết dân tộc, tập trung mũi nhọn chống đế quốc, tay sai giành độc lập dân tộc. Hội nghị Trung ương lần thứ 8 (5/1941), quyết định thành lập Việt Nam độc lập đồng minh (Mặt trận Việt Minh). Lực lượng Mặt trận bao gồm đông đảo các tầng lớp nhân dân lao động và các tầng lớp yêu nước khác, các giai cấp, các tầng lớp, không phân biệt giàu nghèo, lương giáo cùng chung mục tiêu giải phóng dân tộc. Mặt trận Việt Minh đã giữ vai trò chủ yếu quyết định thắng lợi của Tổng khởi nghĩa giành chính quyền Tháng Tám năm 1945.

3. Phương pháp cách mạng bạo lực tổng hợp phát huy sức mạnh của quần chúng

Trên cơ sở quan điểm bạo lực cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin, đã được vận dụng vào điều kiện cụ thể ở Việt Nam một nước thuộc địa nửa phong kiến nhằm phát huy sức mạnh tổng lực của toàn dân tộc. Ngay trong Cương lĩnh đầu tiên của Đảng đã đề cập những quan điểm cơ bản về sử dụng phương pháp cách mạng bạo lực tổng hợp trong đấu tranh giành chính quyền. Tư tưởng cách mạng bạo lực trong Cương lĩnh đầu tiên của Đảng (2/1930) tiếp tục được phát triển, bổ sung và làm rõ trong Luận cương Chính trị tháng 10 năm 1930 của Đảng. Đảng khẳng định vai trò quyết định của cách mạng bạo lực, cụ thể là "vũ trang bạo động". Con đường giành thắng lợi của cách mạng tư sản dân quyền là bằng khởi nghĩa vũ trang của quần chúng, phải có tinh thần, thời cơ cách mạng và là một nghệ thuật cần phải "tuân theo khuôn

phép nhà binh□ Để võ trang bạo động có kết quả, cách mạng phải trải qua một thời kỳ chuẩn bị về lực lượng từ thấp đến cao, chuẩn bị kỹ lưỡng về mọi mặt, phải chống các hiện tượng manh động, bạo động quá sớm khi chưa có đủ điều kiện, chưa đúng thời cơ. Trong bối cảnh một nước thuộc địa nửa phong kiến, nhân dân bị mất hết quyền tự do, bị thực dân phong kiến đàn áp bóc lột, vì vậy phải sử dụng bạo lực cách mạng để chống lại bạo lực phản cách mạng của kẻ thù, đó cũng là con đường duy nhất để giành được độc lập dân tộc và ruộng đất cho dân cày để tiến lên xã hội chủ nghĩa. Luận cương chính trị của Đảng đã bổ sung và phát triển nội dung về phương pháp cách mạng bạo lực tổng hợp so với Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng (2/1930).

Trong những năm 1930 - 1939, khi chưa có tình thế cách mạng Đảng đã lãnh đạo xây dựng lực lượng chính trị, xây dựng căn cứ địa, từng bước xây dựng các đội tự vệ vũ trang, sử dụng và kết hợp các hình thức đấu tranh phong phú: bí mật bất hợp pháp, công khai hợp pháp và nửa hợp pháp để tập hợp rèn luyện quần chúng đấu tranh; các hình thức đấu tranh đòi quyền dân sinh, dân chủ chống khủng bố, chống chiến tranh, làm quen với phương pháp bạo lực cách mạng để chuẩn bị cho khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền.

Trong những năm 1939 - 1945, chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ đã tác động sâu sắc tới Việt Nam và các nước Đông Dương, tình hình cách mạng có nhiều biến động, đứng trước yêu cầu của thực tế, Đảng đã kịp thời chuyển hướng chỉ đạo chiến lược đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu. Hội nghị Trung ương Đảng tháng 11/1939, đã dự đoán: □Một cao trào cách mạng nhất định sẽ nổi dậy. Đảng phải chuẩn bị gánh lấy cái sứ mệnh thiêng liêng: Lãnh đạo các dân tộc áp bức Đông Dương vũ trang bạo động giành lấy quyền tự do độc lập□⁽¹⁵⁾. Hội nghị chủ trương cùng với việc mở rộng Mặt trận phản đế, phải lựa chọn những người hăng hái nhất trong các đoàn thể của Mặt trận, tổ chức các đội tự vệ □trực tiếp vũ trang cho quần chúng□tiến lên vũ trang bạo động.

Đến năm 1941, Hội nghị Trung ương tám chỉ rõ: nhiệm vụ trọng tâm trong giai đoạn này là chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang, với phương châm: □Với lực lượng sẵn có, ta có thể lãnh đạo một cuộc khởi nghĩa từng phần trong từng địa phương cũng có thể giành

sự thắng lợi mà mở đường cho một cuộc tổng khởi nghĩa to lớn□⁽¹⁶⁾. Các đoàn thể quần chúng đều lấy tên là Hội Cứu quốc thay cho Hội phản đế trước đây. Sự phát triển nhận thức của Đảng đến đây rõ hơn, sâu sắc hơn về vai trò của phương pháp cách mạng bạo lực tổng hợp thông qua sự kết hợp đấu tranh giữa lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang, của đấu tranh chính trị và đấu tranh quân sự.

4. Xác định đúng đối tượng của cách mạng và lợi dụng mâu thuẫn trong hàng ngũ kẻ thù

Xác định đúng đối tượng của cách mạng và lợi dụng mâu thuẫn trong hàng ngũ kẻ thù là một nguyên tắc của cách mạng vô sản. Trên thực tế, mâu thuẫn giữa các kẻ thù và mâu thuẫn trong nội bộ từng kẻ thù là vấn đề khách quan do bản chất của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa sinh ra. Tuy giữa chúng thống nhất với nhau về mục đích áp bức, bóc lột nhân dân lao động, chống phá phong trào cách mạng, bảo vệ sự sống còn của chủ nghĩa tư bản, của giai cấp tư sản, nhưng bao giờ chúng cũng có mâu thuẫn với nhau về quyền lợi giữa tập đoàn tư bản này với tập đoàn tư bản khác. Cuộc đấu tranh cách mạng của giai cấp vô sản, nhất là những nước thuộc địa thường phải đấu tranh với những kẻ thù lớn mạnh và có khi phải chống lại nhiều kẻ thù trong cùng một lúc. Vì vậy, phải biết phát hiện và lợi dụng những mâu thuẫn trong nội bộ kẻ thù nhằm phân hóa hàng ngũ của chúng, làm cho chúng suy yếu, tạo điều kiện thuận lợi cho cách mạng. V.I.Lênin khẳng định rằng: □Chừng nào chúng ta chưa chinh phục được toàn thế giới, thì chúng ta phải giữ vững nguyên tắc này: phải biết lợi dụng những đối lập và những mâu thuẫn giữa bọn đế quốc chủ nghĩa. Nếu trước đây chúng ta không áp dụng những nguyên tắc đó thì chúng ta đã bị treo cổ từ lâu rồi□⁽¹⁷⁾.

Ngay từ khi ra đời, trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng đã hình thành tư tưởng xác định đúng kẻ thù là thực dân Pháp và phong kiến phản động, phân hóa và lợi dụng mâu thuẫn giữa chúng. Cương lĩnh xác định nhiệm vụ cách mạng: □Đánh đế quốc chủ nghĩa Pháp và bọn phong kiến, làm cho nước Nam được hoàn toàn độc lập□ Thâu hết sản nghiệp lớn (như công nghiệp, vận tải, ngân hàng...) của tư bản, đế quốc chủ nghĩa Pháp để giao cho Chính phủ Công nông binh quản lý; thâu hết ruộng đất của bọn đế quốc chủ nghĩa làm của công chia cho dân cày nghèo;...□⁽¹⁸⁾. Tập trung lực lượng toàn thể dân tộc để

đánh và kẻ thù chủ yếu trước mắt là đế quốc, tay sai, phản động, giai cấp địa chủ phong kiến được phân ra nhiều hạng, trước mắt đánh vào tầng lớp địa chủ, viết gian phải bội lại quyền lợi của quốc gia dân tộc, phân hóa cô lập kẻ thù, chĩa mũi nhọn vào kẻ thù chính để tập trung lực lượng thực hiện giải phóng dân tộc.

Trong phong trào cách mạng 1936 - 1939, Đảng đã nhận thức được mâu thuẫn ngay chính trong hàng ngũ cầm quyền thực dân Pháp, giữa giới cầm quyền của Pháp ở chính quốc và hàng ngũ thống trị của Pháp ở Đông Dương; mâu thuẫn trong chính hàng ngũ quan lại ở Đông Dương. Tháng 7/1936, Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Ban Chỉ huy ở ngoài họp Hội nghị tại Thượng Hải (Trung Quốc), xác định: cách mạng Đông Dương: "là cách mạng tư sản dân quyền - phản đế và điền địa - lập chính quyền của công nông bằng hình thức Xô Viết, để dự bị điều kiện đi tới cách mạng xã hội chủ nghĩa"⁽¹⁹⁾. Nhưng với điều kiện hiện tại, lực lượng của quần chúng cả về chính trị và tổ chức, chưa tới trình độ có thể trực tiếp đánh đổ đế quốc Pháp, lập chính quyền công nông, giải quyết vấn đề điền địa. Đảng chủ trương lợi dụng mâu thuẫn giữa hai phái của Pháp: phái theo xu hướng dân chủ đại diện là Mặt trận nhân dân Pháp và phái theo xu hướng phát xít hóa bộ máy chính quyền trong chính giới Pháp. Lợi dụng mâu thuẫn trong hàng ngũ thống trị của Pháp ở Đông Dương, giữa bộ phận tán thành cải cách và bộ phận chống cải cách muốn phát xít hóa bộ máy cai trị. Lợi dụng mâu thuẫn trong hàng ngũ quan lại tay sai cho Pháp, giữa bọn theo xu hướng dân chủ và bọn theo xu hướng phát xít hóa.

Nhằm mục đích tập trung mũi nhọn đấu tranh vào bọn phản động thuộc địa và tay sai của chúng, Đảng chủ trương không những đoàn kết chặt chẽ với giai cấp công nhân, Đảng Cộng sản Pháp và "Ủng hộ Chính phủ tiến bộ của Mặt trận nhân dân Pháp" để cùng nhau chống lại kẻ thù chung là bọn phát xít ở Pháp và bọn phản động thuộc địa. Với chủ trương đúng đắn, mềm dẻo Đảng đã phát động được một cao trào đấu tranh mạnh mẽ giành được những thắng lợi, tổ chức và tập dượt quần chúng đấu tranh chuẩn bị cho mục tiêu chiến lược lâu dài.

Trong những năm 1939 - 1945, do nhận định đúng tình hình thực tiễn, phân tích đúng những mâu thuẫn trong hàng ngũ kẻ thù, giữa thực dân Pháp và

phát xít Nhật ngày càng gay gắt. Đêm 9/3/1945, Nhật làm đảo chính hất cẳng Pháp. Đảng đã kịp thời phát động cao trào kháng Nhật cứu nước. Ngày 9/3/1945, khi Nhật đảo chính Pháp, Trung ương Đảng kịp thời ra *Chỉ thị Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta*, Hội nghị xác định: đế quốc phát xít Nhật là kẻ thù chính, kẻ thù cụ thể trước mắt duy nhất của nhân dân Đông Dương. Khẩu hiệu đánh đuổi Nhật - Pháp thay bằng khẩu hiệu đánh đuổi phát xít Nhật. Để thực hiện nhiệm vụ cần kíp lúc này là cách mạng giải phóng dân tộc, Đảng chủ trương triệt để lợi dụng sự phân hóa trong nội bộ giai cấp địa chủ phong kiến, mở rộng mặt trận đoàn kết dân tộc, tạm gác khẩu hiệu "đánh đổ địa chủ, chia ruộng đất cho dân cày", thay bằng khẩu hiệu tịch thu ruộng đất của đế quốc Việt gian chia cho dân cày nghèo. Với chủ trương tạm gác khẩu hiệu cách mạng ruộng đất, chỉ tập trung chĩa mũi nhọn vào đế quốc và bọn Việt gian phản động, đã động viên được nhiều giai cấp, tầng lớp đoàn kết dưới sự lãnh đạo của Đảng tạo nên sức mạnh tổng hợp to lớn đứng lên giành chính quyền về tay nhân dân.

5. Nghệ thuật khởi nghĩa và nghệ thuật chọn đúng thời cơ

Đảng đã vận dụng sáng tạo nguyên lý khởi nghĩa vũ trang của chủ nghĩa Mác - Lênin, học tập kinh nghiệm khởi nghĩa vũ trang trong Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917 và phong trào đấu tranh của các nước trên thế giới với tổng kết kinh nghiệm các cuộc khởi nghĩa trong lịch sử dân tộc Việt Nam và các phong trào cách mạng từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời. Đảng ta đã từng bước hình thành nên nghệ thuật khởi nghĩa vũ trang độc đáo, phù hợp với hoàn cảnh cách mạng nước ta.

Về vấn đề khởi nghĩa vũ trang, Luận cương Chính trị (10/1930) của Đảng đã chỉ rõ: "Vũ trang bạo động không phải là việc thường, chẳng những theo hình thức cách mạng, mà phải theo khuôn phép nhà binh"⁽²⁰⁾, cao trào cách mạng của quần chúng, được chuẩn bị kỹ lưỡng mọi mặt, đúng thời cơ. Luận cương đã xác định những điều kiện cơ bản: Khi kẻ thù hoang mang cực độ; khi mà tầng lớp trung gian ngả về phía cách mạng; quần chúng cách mạng và Đảng Cộng sản đã sẵn sàng.

Phát triển quan điểm của Đảng về khởi nghĩa và nghệ thuật chọn đúng thời cơ, Hội nghị Trung ương

lần thứ 8 (5/1941), Đảng tiếp tục bổ sung lý luận khởi nghĩa: Bước đi hợp quy luật khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền ở Việt Nam là đi từ khởi nghĩa từng phần tiến lên tổng khởi nghĩa: □Với lực lượng sẵn có, ta có thể lãnh đạo một cuộc khởi nghĩa từng phần trong từng địa phương cũng có thể giành sự thắng lợi mà mở đường cho một cuộc tổng khởi nghĩa to lớn⁽²¹⁾. Đến năm 1945, khi chiến tranh thế giới thứ hai bước vào giai đoạn kết thúc, Nhật đảo chính Pháp để độc chiếm Đông Dương, Hội nghị Thường vụ Trung ương (9/3/1945), Đảng đã bổ sung nhận định thời cơ khởi nghĩa: Nhật làm đảo chính lật đổ Pháp đã tạo ra sự khủng hoảng chính trị sâu sắc ở Đông Dương, tạo điều kiện thuận lợi cho thời cơ khởi nghĩa đến gần, những điều kiện khởi nghĩa chưa thực sự chín muồi, vì tuy Pháp tan rã, nhưng Nhật chưa hoang mang, do dự đến mức cực điểm. Các tầng lớp trung gian chưa ngã hẳn về phía cách mạng, đội tiên phong vẫn đang chuẩn bị chưa sẵn sàng chiến đấu. Trên cơ sở nhận định đó, Đảng chủ trương phát động cao trào chống Nhật cứu nước, tiến hành khởi nghĩa từng phần ở những nơi có đủ điều kiện thời cơ (chủ yếu ở những vùng căn cứ cách mạng, khu giải phóng Việt Bắc). Bằng những cuộc khởi nghĩa từng phần thắng lợi, đã tạo ra thế và lực mới của cách mạng, đẩy địch vào thế suy yếu, lúng túng, bị động đối phó, thúc đẩy thời cơ khởi nghĩa cả nước mau chín muồi.

Tình hình thế giới ngày càng diễn ra mau lẹ, tháng 5 năm 1945, phát xít Đức đã thất bại, phát xít Nhật đang bị quân đồng minh dồn vào bước đường cùng phải tuyên bố đầu hàng, các nước đồng minh đang thảo luận và ráo riết chuẩn bị lực lượng trở lại khôi phục địa vị của mình ở Đông Dương□ Hội nghị toàn quốc của Đảng (13/8/1945), Đảng đã nhận định thời cơ tổng khởi nghĩa ở nước ta một cách hoàn chỉnh và quyết định chọn thời điểm phát lệnh tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước. Thời cơ tổng khởi nghĩa là khi: Phát xít Nhật đầu hàng Đồng minh, quân Nhật ở Đông Dương hoang mang, tan rã mất tinh thần, bọn Việt gian thân Nhật hoảng sợ, Chính quyền bù nhìn tay sai Bảo Đại hoàn toàn tê liệt; nhân dân Đông Dương cực khổ tận cùng, khí thế cách mạng sục sôi; tầng lớp trung gian ngã về phía cách mạng; toàn Đảng đã sẵn sàng cùng toàn dân tổng khởi nghĩa. Thời điểm lịch sử ngàn năm ấy diễn ra ở nước ta chỉ trong vòng hai tuần lễ (14 đến 25/8/1945). Lúc đó

Đảng không do dự, chậm chễ và đã hành động kịp thời với một quyết tâm lớn nhất - lãnh đạo toàn dân tổng khởi nghĩa giành chính quyền trước khi quân Đồng minh vào Đông Dương. Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 là một điển hình mẫu mực về nghệ thuật chọn thời cơ, chớp thời cơ khởi nghĩa đúng lúc của Đảng.

Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám là một trong ba thắng lợi vĩ đại của nhân dân ta trong thế kỷ XX. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX (4/2001) của Đảng đã nhận định: □Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 và việc thành lập Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Đây là kết quả tổng hợp của các phong trào cách mạng liên tục diễn ra trong 15 năm sau ngày thành lập Đảng, từ cao trào Xô Viết Nghệ - Tĩnh, cuộc vận động dân chủ 1936-1939 đến phong trào giải phóng dân tộc 1939-1945, mặc dù cách mạng có những lúc bị chìm trong máu lửa. Chế độ thuộc địa nửa phong kiến ở nước ta bị xóa bỏ, một kỷ nguyên mới ra đời, kỷ nguyên độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội⁽²²⁾. Các mạng Tháng Tám năm 1945 thành công đã chứng tỏ dưới sự lãnh đạo của Đảng, với đường lối đúng đắn phù hợp với xu thế thời đại và đoàn kết toàn dân nổi dậy thì hoàn toàn có thể thành công và thành công trước khi giai cấp công nhân ở chính quốc giành chính quyền. Thắng lợi của cách mạng Việt Nam (1930 - 1945) đã nâng cao vị thế Việt Nam trên trường quốc tế đứng trong hàng ngũ các dân tộc tiên phong trên thế giới./.

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam (2007), *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb. CTQG, H., T.51, tr.14.

(2) Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. CTQG Sự thật, H, T.3, tr.1.

(3) Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. CTQG, H., T.2, tr.2.

(4), (5), (6), (7), (8) (19) Đảng Cộng sản Việt Nam (2000), *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb. CTQG, H., T.6, tr.144, 144, 152, 144, 756, 536, 139.

(9), (10), (11), (12), (13), (15), (16), (21) Đảng Cộng sản Việt Nam (2000), *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb. CTQG, H., T.7, tr.58, 118, 119, 119, 120, 58, 132, 132.

(14) Văn kiện Đảng về Mặt trận từ năm 1930-1970 (1971), Nxb. Sự thật, H., tr.22.

(17) V.I.Lênin (1960), *Toàn tập*, quyển 2, phần 2, Nxb. Sự thật, tr.366.

(18), (20) Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb. CTQG, H., T.1, tr.102, 2-3.

(22) Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. CTQG, H., tr.62-63.